ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM DUỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 214/QĐ-UBND	*Cẩm Duệ, ngày 13 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng Hệ thống mạng nội bộ (LAN) của UBND xã Cẩm Duệ

CHỦ TỊCH UBND XÃ CẨM DUỆ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính Phủ Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn Hệ thống mạng nội bộ theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 142/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của công chức Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng nội bộ (LAN) của UBND xã Cẩm Duệ

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Công chức Văn phòng - Thống kê, Công chức Văn hóa - Xã hội, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2(QĐ);
- UBND huyện Cẩm Xuyên;
- Phòng VH-TT huyện ;
- Chủ tịch, Phó CT UBND;
- Trang TTĐT xã
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CẨM DUỆ H.CẨM XUYÊN T.HÀ TĨNH

Võ Tá Kỷ

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ CẨM DUỆ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng nội bộ của UBND xã Cẩm Duệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023)

Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các chính sách quản lý và các biện pháp nhằm bảo đảm **an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng nội bộ** UBND xã Cẩm Duệ quản trị, vận hành (sau đây gọi tắt là Hệ thống mạng nội bộ), bao gồm:

- Phạm vi quản lý về vật lý và logic của tổ chức;
- Các ứng dụng, dịch vụ hệ thống cung cấp;
- Nguồn nhân lực bảo đảm an toàn thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, viên chức và người lao động thuộc UBND xã Cẩm Duệ

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có kết nối, sử dụng Hệ thống mạng nội bộ tại UBND xã Cẩm Duệ

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành, duy trì, phát triển và bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ hoạt động của Hệ thống mạng nội bộ

Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. An toàn thông tin mạng: là sự bảo vệ thông tin, Hệ thống mạng nội bộ trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

2. Mạng: là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua mạng viễn thông và mạng máy tính.

3. Hệ thống mạng nội bộ: là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng.

4. Chủ quản Hệ thống mạng nội bộ: là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với Hệ thống mạng nội bộ.

5. Sự cố an toàn thông tin mạng: là việc thông tin, Hệ thống mạng nội bộ bị gây nguy hại, ảnh hưởng tới tính nguyên vẹn, tính bảo mật hoặc tính khả dụng.

6. Rủi ro an toàn thông tin mạng: là những nhân tố chủ quan hoặc khách quan có khả năng ảnh hưởng tới trạng thái an toàn thông tin mạng.

7. Đánh giá rủi ro an toàn thông tin mạng: là việc phát hiện, phân tích, ước lượng mức độ tổn hại, mối đe dọa đối với thông tin, Hệ thống mạng nội bộ.

8. Quản lý rủi ro an toàn thông tin mạng: là việc đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro an toàn thông tin mạng.

Điều 2. Mục tiêu, nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin

1. Mục tiêu bảo đảm an toàn thông tin

Bảo vệ thông tin, Hệ thống mạng nội bộ trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin Hệ thống mạng nội bộ

2. Nguyên tắc

a) Cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng Quy chế này có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin và Hệ thống mạng nội bộ trong phạm vi xử lý công việc của mình theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền và các quy định tại Quy chế này.

b) Bảo đảm an toàn thông tin (ATTT) là yêu cầu bắt buộc, phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình:

i. Thu thập, tạo lập, xử lý, truyền tải, lưu trữ và sử dụng thông tin, dữ liệu.

ii. Thiết kế, thiết lập và vận hành, nâng cấp, hủy bỏ Hệ thống mạng nội bộ.

c) Việc bảo đảm an toàn Hệ thống mạng nội bộ được thực hiện một cách tổng thể, đồng bộ, tập trung trong việc đầu tư các giải pháp bảo vệ, có sự dùng chung, chia sẻ tài nguyên để tối ưu hiệu năng, tránh đầu tư thừa, trùng lặp.

Điều 3. Những hành vi nghiêm cấm

Các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng và Điều 8 Luật An ninh mạng.

Điều 4. Phối hợp với những cơ quan/tổ chức có thẩm quyền

1. Đầu mối liên hệ, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý về an toàn thông tin:

UBND xã giao Công chức phụ trách Văn hóa – Xã hội là đầu mối liên hệ, phối hợp các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý về an toàn thông tin phục vụ việc bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho Hệ thống mạng nội bộ.

2. Đầu mối liên hệ, phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong công tác hỗ trợ điều phối xử lý sự cố an toàn thông tin:

a) UBND xã Cẩm Duệ

- Người liên hệ: Dương Quốc Tuấn

+ Số điện thoại: 0985522720

+ Email:

b) UBND huyện Cẩm Xuyên

- Điện thoại: 02393.861.633

- Địa chỉ: Số 175, Đường Hà Huy Tập, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người liên hệ: Ngô Thị Tư, Chuyên viên, Phòng Văn hóa - Thông tin, UBND huyện Cẩm Xuyên.

+ Số điện thoại: 0972.633.602

+ Email: ngothitu.cx@hatinh.gov.vn

c) Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Tĩnh

- Điện thoại: 02393606789
- Email: ttcntt-tt@hatinh.gov.vn
- Địa chỉ: Số 18, đường 26/2, Thành phố Hà Tĩnh.
- Thành viên thường trực: Ông Nguyễn Thanh Lâm - Phó Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh.

+ Đt: 0914237788

+ Email: ntlam.stttt@hatinh.gov.vn

d) Cục An toàn thông tin/Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT/CC)

- Người liên hệ/bộ phận: Phòng Ứng cứu sự cố
- Số điện thoại: 0869 100 317
- Email: ir@vncert.vn
- Báo cáo sự cố qua nền tảng điều phối, xử lý sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia: https://irlab.vn
- Báo cáo sự cố qua website của VNCERT/CC: https://vncert.vn

3. Thường xuyên tham tham dự các lớp diễn tập đảm bảo an toàn thông tin mạng; lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu về an toàn thông tin mạng khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền .

Điều 5. Bảo đảm nguồn nhân lực

1. Tuyển dụng

Cán bộ được tuyển dụng vào vị trí làm về an toàn thông tin có trình độ, chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin, an toàn thông tin, phù hợp với vị trí tuyển dụng.

2. Trong quá trình làm việc

a) Trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cho người sử dụng, cán bộ quản lý và vận hành hệ thống:

- Với người sử dụng:

+ Người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo ATTT đối với từng vị trí công việc.

+ Phải được thường xuyên tổ chức quán triệt các quy định về ATTT, nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm đảm bảo ATTT.

+ Phải có trách nhiệm tự quản lý, bảo quản thiết bị mà mình được giao sử dụng; không tự ý thay đổi, tháo lắp thiết bị.

- Với cán bộ quản lý và vận hành hệ thống mạng nội bộ

+ Cán bộ quản lý và vận hành hệ thống phải thiết lập phương pháp hạn chế truy cập mạng không dây, giám sát và điều khiển truy cập không dây, tổ chức sử dụng chứng thực và mã hóa để bảo vệ truy cập không dây tới Hệ thống mạng nội bộ.

+ Cán bộ quản lý và vận hành hệ thống phải tổ chức quản lý định danh đối với tất cả người dùng tham gia sử dụng Hệ thống mạng nội bộ.

b) Định kỳ hàng năm tổ chức hoặc tham gia phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho người sử dụng do đơn vị chắc năng tổ chức.

3. Chấm dứt thay đổi công việc

a) Cán bộ chấm dứt hoặc thay đổi công việc phải thu hồi thẻ truy cập, thông tin được lưu trên các phương tiện lưu trữ, các trang thiết bị máy móc, phần cứng, phần mềm và các tài sản khác (nếu có) thuộc sở hữu của tổ chức;

b) Bộ phận chuyên trách thực hiện vô hiệu hóa tất cả các quyền ra, vào, truy cập tài nguyên, quản trị hệ thống sau khi cán bộ thôi việc

Chương II:
BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ THIẾT KẾ, XÂY DỰNG HỆ THỐNG

Điều 6. Thiết kế an toàn Hệ thống mạng nội bộ

1. Bộ phận chuyên trách xây dựng tài liệu mô tả quy mô, phạm vi và đối tượng sử dụng, khai thác, quản lý vận hành Hệ thống mạng nội bộ và thuyết minh trong Hồ sơ đề xuất cấp độ của hệ thống.

2. Bộ phận chuyên trách xây dựng tài liệu mô tả thiết kế và các thành phần của Hệ thống mạng nội bộ thuyết minh trong Hồ sơ đề xuất cấp độ của hệ thống.

Điều 7. Thử nghiệm và nghiệm thu hệ thống

1. Bên triển khai xây dựng kế hoạch, nội dung thử nghiệm hệ thống trước khi thực hiện thử nghiệm và nghiệm thu hệ thống.

2. Đơn vị vận hành thực hiện kiểm thử hệ thống trước khi đưa vào vận hành, khai thác theo phương án thiết kế được phê duyệt trong Hồ sơ đề xuất cấp độ.

Chương III:
BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG

Điều 8. Quản lý an toàn mạng

1. Hệ thống mạng phải được thiết kế thống nhất, được quản lý định danh, xác thực đối với tất cả người sử dụng nhằm mục đích quản lý và bảo đảm an toàn và bảo mật.

2. Hệ thống mạng nội bộ (LAN) phải được bảo vệ bằng tường lửa (có thể tích hợp tường lửa trên modem hoặc router) và phân chia hệ thống mạng thành các vùng mạng quản lý theo chính sách an toàn thông tin riêng.

3. Mạng không dây (WIFI), cần thiết lập các thông số an toàn và định kỳ ít nhất 3 tháng thay đổi mật khẩu truy cập nhằm tăng cường công tác bảo mật. Hệ thống mạng không dây phải được bảo vệ bởi mật khẩu an toàn.

Điều 9. Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng

1. Máy chủ phải được thiết lập chính sách xác thực và kiểm soát truy cập. Hệ thống mạng nội bộcần có phướng án giới hạn số lần đăng nhập, tự động khóa tài khoản khi liên tục đăng nhập sai vượt quá số lần quy định. Tổ chức theo dõi, giám sát tất cả các phương pháp đăng nhập từ xa, nhất là các trường hợp đăng nhập vào hệ thống với mục đích quản trị.

2. Kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan đến các nơi lưu trữ mật khẩu và cảnh báo khi có những hành động bất thường (Ví dụ: user không có quyền nhưng cố tình truy xuất đến các file lưu mật khẩu…).

Điều 10. Quản lý an toàn dữ liệu

1. Có cơ chế sao lưu dữ liệu dự phòng, lưu trữ dữ liệu tại nơi an toàn đồng thời thường xuyên kiểm tra để đảm bảo sẵn sàng phục hồi nhằm ngăn ngừa và hạn chế khi sự cố an toàn thông tin mạng xảy ra. Dữ liệu trên máy chủ được sao lưu thông qua hệ thống sao lưu dữ liệu.

2. Định kỳ hoặc khi có thay đổi cấu hình trên hệ thống thực hiện quy trình sao lưu dự phòng: tập tin cấu hình hệ thống, bản dự phòng hệ điều hành máy chủ, cơ sở dữ liệu; dữ liệu, thông tin nghiệp vụ và các thông tin, dữ liệu quan trọng khác trên hệ thống theo yêu cầu của đơn vị vận hành.

3. Quyền truy cập phải được phân ra theo từng cấp độ tương ứng với từng nhiệm vụ của nhân viên và phải được phê duyệt từ cấp trên.

Điều 11. Quản lý an toàn người sử dụng đầu cuối

Chính sách, quy trình quản lý an toàn người sử dụng đầu cuối bao gồm:

1. Việc sử dụng các thiết bị lưu trữ ngoài như ổ cứng di động, các loại thẻ nhớ, thiết bị lưu trữ USB,... phải thường xuyên quét virus trước khi đọc hoặc sao chép dữ liệu.

2. Không sử dụng các máy tính thuộc sở hữu cá nhân (máy xách tay của cá nhân, PDA) hoặc những thiết bị lưu trữ di động cá nhân vào mục đích kinh doanh của công ty. Hạn chế tối đa việc sử dụng các thiết bị lưu trữ ngoài để sao chép, di chuyển dữ liệu.

3. Các thiết bị đầu cuối khi kết nối phải được quản lý và cập nhật thông tin (tên, chủng loại, địa chỉ MAC, địa chỉ IP). Cần sử dụng cơ chế xác thực và sử dụng giao thức mạng an toàn

4. Bộ phận chuyên trách về an toàn thông tin phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra các lỗ hổng bảo mật và quản lý kết nối, truy cập khi sử dụng thiết bị đầu cuối từ xa.

5. Bộ phận chuyên trách về an toàn thông tin thường xuyên theo dõi cài đặt, kết nối và gỡ bỏ thiết bị đầu cuối trong hệ thống đối với các nhân viên đã nghỉ việc.

6. Bộ phận chuyên trách về an toàn thông tin thường xuyên theo dõi cấu hình tối ưu và tăng cường bảo mật (cứng hóa) cho máy tính người sử dụng và thực hiện quy trình trước khi đưa hệ thống vào sử dụng.

Điều 12. Quản lý rủi ro an toàn thông tin mạng

Đơn vị vận hành xây dựng và ban hành Hồ sơ Quản lý rủi ro an toàn thông tin bao gồm các nội dung sau:

1. Danh mục tài sản thông tin, dữ liệu có trong hệ thống.

2. Đánh giá các rủi ro an toàn thông tin đối với mỗi loại tài sản.

3. Có phương án dự phòng và khôi phục sau sự cố đối với thông tin, dữ liệu và ứng dụng.

Điều 13. Kết thúc vận hành, khai thác, thanh lý, hủy bỏ

Cá nhân hoặc tập thể có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng trong

quản lý, sử dụng thiết bị công nghệ thông tin được giao.

1. Quy định hủy bỏ các thông tin/dữ liệu bảo mật Khi sửa chữa, khắc phục các sự cố của máy tính dùng soạn thảo văn bản mật, các phòng, đơn vị phải báo cáo cho người có thẩm quyền. Không được cho phép các tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm trực tiếp sửa chữa, xử lý, khắc phục sự cố.

2. Quy định về xử lý và hủy bỏ phương tiện lưu trữ điện tử

a) Thiết bị CNTT có chứa dữ liệu (máy tính, thiết bị lưu trữ, ...) khi bị hỏng phải được cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin kiểm tra, sửa chữa, khắc phục. Phải có biện pháp kiểm tra, giám sát đảm bảo không để lọt lộ thông tin hay lây nhiễm mã độc đối với máy tính mang ra bên ngoài sửa chữa, bảo hành.

b) Trước khi tiến hành thanh lý/loại bỏ thiết bị công nghệ thông tin cũ, phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật xoá bỏ hoàn toàn dữ liệu người dùng đã tạo ra, đảm bảo không thể phục hồi.

3. Quy định về xử lý thông tin trên các phương tiện và thiết bị CNTT: Trang thiết bị công nghệ thông tin có lưu trữ dữ liệu nhạy cảm khi thay đổi mục đích sử dụng hoặc thanh lý, đơn vị phải thực hiện các biện pháp xóa, tiêu hủy dữ liệu đó đảm bảo không có khả năng phục hồi. Trường hợp không thể tiêu hủy được dữ liệu, đơn vị phải thực hiện tiêu hủy cấu phần lưu trữ dữ liệu trên trang thiết bị công nghệ thông tin đó.

Trang thiết bị công nghệ thông tin có bộ phận lưu trữ dữ liệu hoặc thiết bị lưu trữ dữ liệu khi mang đi bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa bên ngoài hoặc ngừng sử dụng phải tháo bộ phận lưu trữ khỏi thiết bị hoặc xóa thông tin, dữ liệu lưu trữ trên thiết bị (trừ trường hợp để khôi phục dữ liệu).

Chương IV:
TỔ CHỨC BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN

Điều 14. Trách nhiệm của UBND xã

Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 22 Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn Hệ thống mạng nội bộ theo cấp độ.

Điều 15. Trách nhiệm của Công chức văn hóa

1. Công chức văn hóa là bộ phận chuyên trách về an toàn thông tin, có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống mạng nội bộ và là đầu mối liên hệ với các cơ quan cấp trên có thẩm quyền để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng nội bộ của đơn vị.

2. Tuân thủ các quy định về trách nhiệm của bộ phận chuyên trách về an toàn thông tin được giao tại Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của người dùng

Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, vận hành hệ thống tại đơn vị theo đúng các quy định hiện hành. Chấp hành đúng các quy định về an toàn thông tin tại Điều 12 Quy chế này.

Điều 17: Trách nhiệm của cán bộ quản lý vận hành hệ thống

1. Giao Công chức Văn phòng - Thống kê làm nhiệm vụ vận hành, quản lý hệ thống mạng nội bộ của đơn vị.

2. Công chức Văn phòng - Thống kê có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực thi chính sách bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống mạng nội bộ của đơn vị.

3. Công chức Văn phòng - Thống kê có trách nhiệm tham mưu Lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị vận hành Hệ thống mạng nội bộ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và các hướng dẫn chuyên ngành về công tác bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống mạng nội bộ của đơn vị.

4. Đối với các dịch vụ yêu cầu thuê vận hành thì công chức Văn phòng - Thống kê có trách nhiệm tham mưu đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo cung cấp đầy đủ các thành phần, chức năng; thiết kế, thiết lập hệ thống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cấp độ theo tiêu chuẩn TCVN 11930:2017 trình lãnh đạo phê duyệt phương án thuê dịch vụ**.**

Chương V:
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18: Xây dựng và công bố

Quy chế này được tổ chức/bộ phận trình người đúng đầu đơn vị vận hành trước khi công bố áp dụng.

Điều 19: Rà soát, cập nhật, bổ sung Quy chế

1. Định kỳ 03 năm hoặc khi có thay đổi Quy chế bảo đảm an toàn thông tin kiểm tra lại tính phù hợp và thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung.

2. Có hồ sơ lưu lại thông tin phản hồi của đối tượng áp dụng chính sách trong quá trình triển khai, áp dụng chính sách an toàn thông tin.